CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108624589

3. Ngày thành lập: 27/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 279 đường Trâu Quỳ, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động mua quyền truy cập hạ tầng viễn thông của đơn vị khác và điều hành hệ thống đó để cung cấp dịch vụ viễn thông cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; - Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây.	*6190*
2.	Quảng cáo Chi tiết: - Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác có mục đích thu hút và duy trì khách hàng như: Khuếch trương quảng cáo; marketing điểm bán; quảng cáo thư trực tuyến; tư vấn marketing.	*7310*
3.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Tư vấn chuyển giao về công nghệ	*7490*
4.	Đại lý du lịch (Đáp ứng điều kiện tại Điều 40 Luật Du lịch năm 2017)	*7911*

5.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; -Dạy đọc nhanh; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	*8559*
6.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: -Khám, chữa bệnh y học cổ truyền. (Đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP Quy định cấp chứng chỉ hành nghề, Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh)	*8620*
7.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	*9511*
8.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	*9512*
9.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu Chi tiết: - Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm...	*9631*
10.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	*2731*
11.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	*2733*
12.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	*3311*
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	*4659*
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Loại trừ kinh doanh bất động sản)	*5210*
15.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: -Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) -Dịch vụ massage(Đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP Quy định cấp chứng chỉ hành nghề, Giấy phép hoạt động khám chữa bệnh và Nghị định số 96/2016/NĐ-CP Quy định điều kiện về an ninh trật tự đối với ngành nghề có điều kiện)	*9610(Chính)*
16.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
17.	Đúc sắt, thép	*2431*

18.	Đúc kim loại màu	*2432*
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	*2511*
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	*2592*
21.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	*2620*
22.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	*2732*
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	*3312*
24.	Chuẩn bị mặt bằng	*4312*
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	*4329*
26.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4513*
27.	Bốc xếp hàng hóa (Loại trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	*5224*
28.	Chuyển phát (Loại trừ hoạt động chuyển phát quốc tế)	*5320*
29.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: -Quán cà phê, giải khát +Hoạt động của các quán chế biến và phục vụ khách hàng tại chỗ các loại đồ uống như: cà phê, nước sinh tố, nước mía, nước quả, quán chè đỗ đen, đỗ xanh... (Loại trừ quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ)	*5630*
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	*6209*
31.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
32.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	*1410*
33.	Sản xuất thiết bị truyền thông	*2630*
34.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
35.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
36.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	*8130*
37.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	*0240*
38.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*
40.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	*2391*
41.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	*2394*
42.	Sản xuất sắt, thép, gang	*2410*
43.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	*2591*
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4530*

45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
46.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
47.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: -Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh -Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	*4649*
48.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
49.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
50.	Hoạt động viễn thông có dây	*6110*
51.	Hoạt động viễn thông không dây	*6120*
52.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	*8230*
53.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
54.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
55.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	*2392*
56.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	*2599*
57.	Sản xuất linh kiện điện tử	*2610*
58.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	*2670*
59.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	*3313*
60.	Sửa chữa thiết bị điện	*3314*
61.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4511*
62.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
63.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống không có cồn +Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...; +Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. (Loại trừ đồ uống có cồn)	*4633*
64.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ MINH THU	Tổ dân phố An Đào, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	001185005650	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		
2	NGUYỄN TRƯỜNG KỲ	53 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	001063006145	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		
3	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	Tổ dân phố An Đào, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25,000	040191000853	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ MINH THU Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *01/03/1985* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001185005650*

Ngày cấp: *16/06/2015* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố An Đào, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố An Đào, Thị Trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội